

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v báo cáo quyết toán kinh
phí hỗ trợ giống cây trồng,
vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại
do thiên tai gây ra năm 2021
trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai dịch bệnh; theo đó, tại điểm a khoản 4 Điều 4 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh: “*Bộ Tài chính căn cứ phân ngân sách địa phương thực chi để hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, xem xét hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương hàng năm cho từng địa phương*”.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ thiệt hại về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2021 của UBND các huyện, thị xã, thành phố (*có bảng xác nhận KBNN kèm theo*); UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kinh phí hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2021 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí quyết toán : 12.532,411 triệu đồng;
- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (70%) : 8.772,687 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương đảm bảo (30%) : 3.759,724 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục số 1,2 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Theo quy định tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai dịch bệnh thì Bình Định được ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương 70% kinh phí quyết toán. Do đó, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương với số tiền **8.772,687 triệu đồng** (*chi tiết theo phụ lục số 3 kèm theo*).

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Vụ Ngân sách NN - BTC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NN&PTNT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Địa phương	TỔNG HỢP THIẾT HẠI											KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%					Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)		NS TW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
1	An Lão	6,555		1,045		0,855							6,555	4,589	1,967		
2	Hoài Ân	629	282,272		20,880		1,910	9,019		6,037			629	440	189		
3	Hoài Nhơn	1.804,339	759,115	37,584	0,100	1,357		153,584	9,430				1.804,339	1.263,037	541,302		
4	Phù Cát	2.809,759	1117,137		5,707	109,136		47,154		1,062	39,657		2.809,759	1.966,832	842,928		
5	Phù Mỹ	942,360	452,290			4,900		1,530		0,400	8,125		942,360	659,652	282,708		
6	Quy Nhơn	1.086,360	298,020	140,510	2,360			37,160	17,540	0,600			1.086,360	760,452	325,908		
7	Tây Sơn	1.636,906	265,542	135,168	5,204	138,409		106,379	3,925	1,778	11,114		1.636,906	1.145,834	491,072		
8	Tuy Phước	3.099,160	1528,235	14,23									3.099,160	2.169,412	929,748		
9	Vĩnh Thạnh	12,430	4,575		1,49			0,3					12,430	8,701	3,729		
Tổng cộng		12.026,869	4.707,186	328,537	35,741	254,657	1,910	355,126	30,895	9,876	58,896	-	12.026,869	8.418,808	3.608,061	-	-

PHỤ LỤC 02:**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021***(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Địa phương	TỔNG HỢP THIẾT HẠI											KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm đến 28 tuổi (con)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn nái và lợn đực đang khai thác (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Dê, cừu (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đ)
1	Hoài Nhơn	28,980		966									28,980	20,286	8,694		
2	Tuy Phước	466,560		11.772		102				4	5	9	466,560	326,592	139,968		
3	Vĩnh Thạnh	10									2		10	7,000	3,000		
Tổng cộng		505,540	-	12.738	-	102	-	-	-	4	7	9	505,540	353,878	151,662	-	-

PHỤ LỤC 03:**TỔNG HỢP KINH PHÍ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT THIÊN TAI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /2022 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng kinh phí NSNN hỗ trợ			trong đó:					
					Giống cây trồng năm 2021			Giống vật nuôi 2021		
		Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%
1	An Lão	6,556	4,589	1,967	6,555	4,589	1,967			
2	Hoài Ân	629,000	440,300	188,700	629	440	189			
3	Hoài Nhơn	1.833,319	1.283,323	549,996	1804,339	1263,037	541,302	28,980	20,286	8,694
4	Phù Cát	2.809,760	1.966,832	842,928	2809,759	1966,832	842,928			
5	Phù Mỹ	942,360	659,652	282,708	942,360	659,652	282,708			
6	Quy Nhơn	1.086,360	760,452	325,908	1086,360	760,452	325,908			
7	Tây Sơn	1.636,906	1.145,834	491,072	1636,906	1145,834	491,072			
8	Tuy Phước	3.565,720	2.496,004	1.069,716	3099,160	2169,412	929,748	466,560	326,592	139,968
9	Vĩnh Thạnh	22,430	15,701	6,729	12,430	8,701	3,729	10	7	3
Tổng cộng		12.532,411	8.772,687	3.759,724	12.026,869	8.418,808	3.608,061	505,540	353,878	151,662